

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH**

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

**GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN HẠ HÒA-TỈNH PHÚ THỌ**

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 60.34.04.10

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Thái Nguyên - 2012

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nghèo là vấn đề nhức nhối mang tính toàn cầu, là vấn đề xã hội bức xúc, là sự thách thức, cản trở lớn đối với sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia, khu vực và toàn bộ nền văn minh nhân loại. Chính vì vậy, trong những năm gần đây nhiều quốc gia và các tổ chức quốc tế đã quan tâm tìm các giải pháp nhằm hạn chế nghèo và giảm dần khoảng cách phân hoá giàu, nghèo trên phạm vi toàn thế giới.

Đối với Việt Nam, vấn đề giảm nghèo (GN) không những là một chính sách xã hội, mà còn là mục tiêu xuyên suốt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của đất nước thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. GN là yếu tố cơ bản đảm bảo công bằng xã hội và tăng trưởng bền vững, góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) đất nước, phấn đấu để nước ta đến năm 2020 về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Việt Nam đến nay đã qua hơn 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, kinh tế nước ta tăng trưởng khá nhanh, đời sống đại bộ phận nhân dân đã được nâng lên một cách rõ rệt. GN từ chỗ là phong trào (1990 - 1997) đến năm 1998 đã trở thành một chương trình mục tiêu quốc gia. Đến nay, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm đáng kể ở cả hai tỷ lệ nghèo chung và tỷ lệ nghèo lương thực thực phẩm. Điều này đã được các nhà tài trợ cho Việt Nam khẳng định tại Hội nghị tư vấn các nhà tài trợ Việt Nam, họ coi “ Thành tựu giảm nghèo của Việt Nam là một trong những câu chuyện thành công nhất trong phát triển kinh tế” [2,tr.1].

Mặc dù đã đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực về kinh tế và xã hội. Nhưng do xuất phát điểm rất thấp của nền kinh tế nên cho đến nay, Việt Nam vẫn thuộc nhóm nước nghèo trên thế giới, tỷ lệ nghèo ở Việt Nam còn rất cao, theo chuẩn nghèo mới được chính phủ ban hành trong quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 8/7/2005, cả nước có khoảng 3,9 triệu hộ nghèo, chiếm 22% số hộ toàn quốc [1,tr.29]. Đến năm 2009 cả nước có khoảng 2 triệu hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 11% dân số, chênh lệch thu nhập giữa các nhóm dân cư và vùng lãnh thổ vốn đã có

khoảng cách khá xa nay càng giãn thêm ra; một bộ phận không nhỏ dân cư, đặc biệt là ở các vùng cao, vùng sâu, vùng xa vẫn đang chịu cảnh nghèo. Người nghèo ít có khả năng tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, dễ bị tổn thương trước những rủi ro trong cuộc sống như thiên tai, mất mùa, ốm đau. Khả năng tái nghèo còn cao, kết quả giảm nghèo thiếu tính bền vững. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X nhận định: “Thành tựu XĐGN chưa thật vững chắc. Số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo ở một số vùng còn lớn, tỷ lệ nghèo theo tiêu chuẩn mới còn cao. Đời sống nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng thường bị thiên tai còn gặp nhiều khó khăn, nhiều vùng dân tộc thiểu số có tỷ lệ hộ nghèo cao hơn so với bình quân cả nước” [6,tr.173].

Hạ Hoà là huyện miền núi thuộc tỉnh Phú Thọ. Trong những năm qua, thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, tình hình KT - XH nhiều tiến bộ đáng kể, kết cấu hạ tầng cơ sở ở vùng nghèo của huyện được xây dựng, mở rộng nhanh chóng đã phát huy tác dụng cải thiện đời sống nhân dân, công tác giảm nghèo của Hạ Hoà đã đạt được những thành tựu quan trọng về KT-XH. Nhờ đạt được những kết quả trong phát triển kinh tế nông nghiệp, đời sống vật chất, tinh thần của đại bộ phận dân cư đã được cải thiện. Số hộ đủ ăn, số hộ giàu tăng lên, hộ nghèo đói đã giảm, nhiều hộ gia đình đã có tích lũy. Bộ mặt nông thôn trên địa bàn có nhiều thay đổi, đã góp phần giữ gìn ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tuy nhiên, cũng như nhiều huyện miền núi trên cả nước, tình hình đời sống của một bộ phận không nhỏ hộ nông dân ở huyện Hạ Hoà còn gặp nhiều khó khăn, mức thu nhập bình quân đầu người còn thấp. Nguồn thu nhập chính của người nông dân nghèo chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, trong khi điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, trình độ dân trí chưa cao. Đây là vấn đề rất bức thiết, cần được quan tâm giải quyết đối với huyện Hạ Hoà. Xuất phát từ những lý do đó, tôi lựa chọn đề tài : ***“Giải pháp giảm nghèo trên địa bàn huyện Hạ Hoà - tỉnh Phú Thọ”***.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Luận văn tập trung nghiên cứu để chỉ ra giải pháp giảm nghèo phù hợp với điều

kiện tự nhiên KT-XH của huyện Hạ Hoà - tỉnh Phú Thọ.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn về công tác giảm nghèo.
- Phân tích, đánh giá thực trạng và nguyên nhân nghèo đói trên địa bàn huyện Hạ Hoà.
- Đề xuất các định hướng và giải pháp chủ yếu cho công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện Hạ Hoà đến năm 2020.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

- Vấn đề nghèo và các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo ở huyện Hạ Hoà - tỉnh Phú Thọ.
- Một số hộ đại diện thuộc 3 vùng tiêu biểu của huyện Hạ Hoà.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu tại một số xã đại diện cho các vùng sinh thái khác nhau trên địa bàn huyện Hạ Hoà của tỉnh Phú Thọ.
- Thời gian nghiên cứu: Thu thập thông tin về giảm nghèo 3 năm (2009 - 2011) và dự báo giảm nghèo đến năm 2020.
- Nội dung nghiên cứu: Đề tài được giới hạn trong phân tích nguyên nhân và các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập và nghèo của hộ nông dân, qua đó đề xuất một số giải pháp cơ bản.

4. Những đóng góp của luận văn

Luận văn phân tích, đánh giá thực trạng giảm nghèo trên địa bàn huyện Hạ Hoà tỉnh Phú Thọ, tìm ra những nguyên nhân và hạn chế, các giải pháp chủ yếu thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện Hạ Hoà - tỉnh Phú Thọ .

5. Kết cấu của luận văn.

- Ngoài phần mở đầu, kết luận, Luận văn được chia làm 4 chương:
- Chương 1: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về nghèo và giảm nghèo.
 - Chương 2: Phương pháp nghiên cứu

- Chương 3: Thực trạng giảm nghèo trên địa bàn huyện Hạ Hoà - tỉnh Phú Thọ.

- Chương 4: Một số giải pháp chủ yếu đẩy mạnh thực hiện giảm nghèo trên địa bàn huyện Hạ Hoà - tỉnh Phú Thọ.

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ NGHÈO VÀ GIẢM NGHÈO

1.1. Quan niệm về nghèo và tiêu chí đánh giá nghèo

1.1.1. Quan niệm về nghèo

Nghèo là một hiện tượng xã hội bức xúc hiện nay trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng, không những có thể gây ra thảm họa về nhân đạo mà còn có nguy cơ gây bất ổn xã hội. Nghèo không còn là vấn đề riêng của của một quốc gia mà đã trở thành vấn đề quốc tế.

Tại khoá họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc về phát triển xã hội, tháng 6 năm 2000 diễn ra ở Genever - Thụy Sĩ, các thành viên đã thống nhất cam kết phấn đấu giảm một nửa số người nghèo trên thế giới. Hội nghị kêu gọi cộng đồng quốc tế đẩy mạnh chiến dịch “ Tấn công vào nghèo ” và khuyến khích các quốc gia cần có chiến lược toàn diện về GN.

Để giải quyết vấn đề nghèo cần phải có quan niệm đúng về nó. Tuy nhiên, do mỗi quốc gia lại có trình độ phát triển KT-XH, điều kiện tự nhiên, trình độ dân trí, văn hoá, chính trị khác nhau, nên mỗi quốc gia ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử lại có cách làm và giải pháp khác nhau. Điều đó đã dẫn đến có nhiều quan niệm khác nhau về nghèo và GN.

Đến nay nhiều nhà nghiên cứu và các tổ chức quốc tế đã đưa ra nhiều khái niệm khác nhau, trong đó có khái niệm khái quát hơn cả được nêu ra tại hội nghị bàn về XDGN ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương do Uỷ Ban Kinh tế Xã hội Châu Á Thái Bình Dương Liên Hiệp Quốc (ESCAP) tổ chức tại Băng Cốc - Thái Lan, tháng 9/1993, các quốc gia trong khu vực đã thống nhất cho rằng “ Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không có khả năng thoả mãn những nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu ấy phụ thuộc vào trình độ phát triển KT- XH, phong tục tập quán của từng vùng và những phong tục ấy được xã hội thừa nhận”[3,tr.11].

Đây là khái niệm khá đầy đủ về nghèo, được nhiều nước trên thế giới nhất trí sử dụng. Định nghĩa đó đề cập được nội dung cơ bản của vấn đề nghèo đó là nhu cầu cơ bản của con người. Nhu cầu cơ bản ở đây chính là cái thiết yếu, cái tối thiểu để duy trì sự tồn tại sinh học của con người. Theo ý đó, Nghèo là tình trạng nghèo khổ cùng cực, là trạng thái con người ăn không đủ no, không đủ năng lượng để duy trì sự sống bình thường và không đủ để lao động, tái sản xuất sức lao động.

Để đánh giá đúng mức độ nghèo người ta chia nghèo thành hai loại: nghèo tuyệt đối và nghèo tương đối.

Nghèo tuyệt đối là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thoả mãn những nhu cầu cơ bản, tối thiểu để duy trì cuộc sống (nhu cầu về ăn, mặc, nhà ở, y tế, giáo dục...). Những nhu cầu này cũng có sự thay đổi, khác biệt theo từng quốc gia và được mở rộng dần trong quá trình phát triển.

Nghèo tuyệt đối phản ánh mức tối thiểu của sự nghèo khổ về dinh dưỡng và phúc lợi xã hội. Trên thực tế, bộ phận dân cư nghèo tuyệt đối rơi vào tình trạng nghèo và thiếu đói. Đó là bộ phận dân cư chỉ đảm bảo được mức lương bữa no, bữa đói trong ba tháng trở xuống, sống cầu bơ, cầu bất. Đây là những người đói ở mức nghiêm trọng. Theo một quy định của Ngân hàng thế giới: Nhu cầu dinh dưỡng của các nước Đông Nam Á phải đạt 2100 kcalo/người/ngày.

Nghèo tương đối là tình trạng một bộ phận dân cư có mức sống dưới mức trung bình của cộng đồng tại địa phương, ở một thời kỳ nhất định. Khái niệm nghèo tương đối gắn liền với sự chênh lệch về mức sống của một bộ phận dân cư với mức sống trung bình của địa phương trong một thời kỳ nhất định. Vì vậy, việc xoá dần nghèo tuyệt đối là có thể làm, nhưng còn nghèo tương đối là hiện tượng thường có trong xã hội và vấn đề ở đây là rút ngắn khoảng cách giàu nghèo, hạn chế sự phân hoá giàu nghèo trong xã hội.

Nghèo còn được nhận diện ở bốn khía cạnh là thời gian, không gian, môi trường và vấn đề giới.

Về thời gian: Phần lớn người nghèo có mức sống dưới mức được xác định như một chuẩn thấp nhất có thể chấp nhận được trong một thời gian dài (tuy nhiên cũng

cần phải bổ sung vào số người này những người nghèo tình thế do thất nghiệp, do thiên tai, rủi ro hay do con người gây ra).

Về không gian: Nghèo diễn ra chủ yếu ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa... do nền kinh tế có phát triển đến thế nào chăng nữa dân cư ở các vùng kể trên vẫn bị rơi vào nghèo.

Về môi trường: Hầu hết những người nghèo đều phải sống trong môi trường khắc nghiệt và xuống cấp nghiêm trọng, bởi vì những người nghèo đói không đủ khả năng và điều kiện để gìn giữ, đảm bảo và cải thiện môi trường sống.

Về giới: Phần lớn người nghèo ở các nước đều là phụ nữ. Mặc dù trong gia đình, nam giới là chủ gia đình, nhưng phụ nữ vẫn phải gánh chịu nhiều hơn gánh nặng của nghèo.

Tóm lại, những quan niệm về nghèo do cách tiếp cận khác nhau nên có những kiến giải khác nhau, sự nghèo là một khái niệm tương đối và có tính biến đổi. Các chỉ số xác định giới hạn nghèo không phải là cứng nhắc và bất biến. Nó biến đổi tùy theo sự chênh lệch, sự khác biệt giữa các vùng, miền, quốc gia.

Dựa vào các khái niệm của các tổ chức quốc tế và căn cứ vào thực trạng KT - XH ở Việt Nam, vấn đề nghèo ở Việt Nam còn được nghiên cứu ở các cấp độ khác nhau như cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng. Chương trình mục tiêu quốc gia về GN giai đoạn 2001 - 2010 của Việt Nam đã đưa ra các khái niệm: nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo...

1.1.2. Khái niệm về nghèo ở Việt Nam

Việt Nam thừa nhận định nghĩa chung về nghèo do Hội nghị chống nghèo khu vực Châu Á - Thái Bình Dương do Ủy Ban Kinh tế Xã hội Châu Á Thái Bình Dương Liên Hiệp Quốc tổ chức tại Băng Cốc - Thái Lan, tháng 9/1993.

khác với đói thông tin, đói hưởng thụ văn hoá, thuộc phạm trù văn hoá tinh thần.

Hộ nghèo là hộ đói ăn nhưng không dứt bữa, mặc không đủ lành, không đủ ấm, không có khả năng phát triển sản xuất.

Xã nghèo là xã có tỷ lệ nghèo cao (có tỷ lệ nghèo từ 25% trở lên), không có hoặc rất thiếu những cơ sở hạ tầng thiết yếu như: điện, đường, trường, trạm y tế.....

trình độ dân trí thấp, tỷ lệ mù chữ cao.

Vùng nghèo là địa bàn tương đối rộng, nằm ở những khu vực khó khăn hiểm trở, giao thông không thuận tiện, có tỷ lệ xã nghèo, hộ nghèo cao.

Như vậy, nghèo là biểu hiện của cuộc sống thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần của mỗi con người trong cùng một cộng đồng, một dân tộc.

1.1.3. Tiêu chí đánh giá nghèo

Để đánh giá được mức độ nghèo cần phải đưa ra các tiêu chí xác định mức độ nghèo. Tuy nhiên, những tiêu chí xác định không cố định mà luôn có sự biến động và khác nhau không những giữa các nước mà ngay trong cùng một nước, và cũng khác nhau qua những giai đoạn lịch sử.

** Tiêu chí xác định chuẩn nghèo của các tổ chức trên thế giới*

Ngân hàng thế giới (WB) đã đưa ra các chỉ tiêu đánh giá mức độ giàu nghèo của các quốc gia dựa vào mức thu nhập bình quân tính theo đầu người trong một năm và mức kcalo tối thiểu cần thiết cho một người sống trong ngày với hai cách tính:

- Phương pháp Atlas là tính theo tỷ giá hối đoái và tính theo USD. Theo phương pháp này, người ta chia các nước trên thế giới thành 6 nhóm (lấy mức thu nhập bình quân năm 1990).

Nhóm 1: Có thu nhập bình quân đầu người trên 25.000 USD/người/năm được gọi là nước cực giàu.

Nhóm 2: Có thu nhập bình quân đầu người từ 20.000 đến dưới 25.000 USD/người/năm được gọi là nước giàu.

Nhóm 3: Có thu nhập bình quân đầu người từ 10.000 đến dưới 20.000 USD/người/năm được gọi là nước khá giàu.

Nhóm 4: Có thu nhập bình quân đầu người từ 2.500 đến dưới 10.000 USD/người/năm được gọi là nước trung bình.

Nhóm 5: Có thu nhập bình quân đầu người từ 500 đến dưới 2.500 USD/người/năm được gọi là nước nghèo.

Nhóm 6: Có thu nhập bình quân đầu người dưới 500 USD/người/năm được gọi

là nước giàu.

- Theo phương pháp sức mua tương đương (PPP) cũng bằng USD, khi tính toán chuẩn nghèo quốc tế, WB đã tính theo mức năng lượng tối thiểu cần thiết cho một người để sống là 2.100 kcalo/ngày. Với mức giá chung của thế giới, để đảm bảo mức năng lượng đó thì cần khoảng 1USD/người/ngày.

Cách tính của tổ chức Liên Hợp Quốc: Dùng cách tính dựa trên cơ sở phân phối thu nhập theo đầu người hoặc theo nhóm dân cư.

Thước đo này tính phân phối thu nhập cho từng cá nhân hoặc hộ gia đình nhận được trong thời gian nhất định, nó không quan tâm đến nguồn mang lại thu nhập hay môi trường sống của dân cư mà chia đều cho mọi thành phần dân cư.

Phương pháp tính: Chia dân số của một nước, một châu hoặc toàn cầu ra làm 5 nhóm, mỗi nhóm có 20% dân số, bao gồm: rất giàu, giàu, trung bình, nghèo và rất nghèo.

Mặc dù thu nhập bình quân là căn cứ quan trọng, song không thể coi đó là tiêu chí duy nhất để đánh giá mức độ giàu nghèo của một quốc gia. Nghèo đói còn chịu tác động của nhiều yếu tố khác như yếu tố chính trị, xã hội. Vì vậy, cơ quan phát triển con người của Liên Hợp Quốc còn đưa ra chỉ số phát triển con người (HDI) để kiểm soát đánh giá sự tiến bộ trong phát triển con người. HDI đo thành tựu trung bình của một quốc gia trên 3 phương diện của sự phát triển con người, đó là:

- Tuổi thọ trung bình từ lúc sinh;
- Tỷ lệ người lớn biết chữ và tỷ lệ nhập học các cấp giáo dục;
- Thu nhập bình quân đầu người theo sức mua tương đương (PPP).

HDI được tính bằng công thức sau:

$$\text{HDI} = \frac{I_A + I_E + I_N}{3}$$

Trong đó: I_A : Chỉ số đo tuổi thọ;

I_E : Chỉ số đo tri thức;

I_N : Chỉ số đo mức sống;

Theo đánh giá của WB, tuy đã đạt được nhiều thành tựu trong công cuộc đổi mới